

Bản án số: **320/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 02/11/2021

V/v: “Ly hôn giữa chị N với anh T”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Vĩnh Lộc

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Hoa Kiều
2. Ông Phạm Kỳ Phong

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Kim Thơ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên tòa:**  
Ông Dương Văn Nguyễn – Kiểm sát viên

Ngày 02 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 144/2021/TLST - HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2021 về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 86/2021/QĐXXST - DS ngày 26 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị N, sinh năm 1991; Địa chỉ: ấp X, xã T, huyện T, tỉnh Long An.

2. *Bị đơn:* Anh T, sinh năm 1985; Địa chỉ: ấp T, xã N, huyện G, tỉnh Tiền Giang

Chị N, anh T có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Trong đơn khởi kiện ngày 26 tháng 3 năm 2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị N trình bày:*

- Về hôn nhân: Chị và anh T cưới nhau vào năm 2017 và có đăng ký kết hôn vào năm 2017. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 01/2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị với anh T là do cuộc sống chung không hạnh phúc, bất đồng quan điểm sống về cách sinh hoạt và nuôi dạy con. Khi vợ chồng cãi nhau thì anh T đánh chị và có đánh cả cha của chị. Chị và anh T đã ly thân từ tháng 01/2020 đến nay. Nay chị thấy vợ chồng không còn hạnh phúc và không thể hàn gắn được nên chị yêu cầu ly hôn với anh T.

- Về con chung: Có một con chung tên Y, sinh ngày 13/01/2018. Hiện con đang sống cùng với chị. Khi ly hôn chị yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con.
- Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu giải quyết
- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận giải quyết
- Về nợ chung: Không có

*Tại phiên hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn anh T trình bày:*

- Về hôn nhân: Anh thống nhất với lời trình bày của chị N về thời gian chung sống và có đăng ký kết hôn. Nay anh đồng ý ly hôn với chị N
- Về con chung: Có một con chung tên Y, sinh ngày 13/01/2018. Hiện con đang sống cùng với chị N. Nếu ly hôn, anh yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con.
- Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu giải quyết
- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận giải quyết
- Về nợ chung: Không có.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo phát biểu quan điểm*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền: Chị N có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn và giải quyết về con chung với anh T nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”. Anh T có nơi cư trú tại ấp T, xã N, huyện G. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo.

Về nội dung vụ án:

[2] Về hôn nhân: Chị N và anh T cưới nhau vào năm 2017, hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lạc Tấn, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An vào năm 2017 là phù hợp với Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên là hôn nhân hợp pháp.

Tại phiên tòa hôm nay chị N vẫn giữ yêu cầu ly hôn với anh T. Phía anh T đồng ý ly hôn với chị N, do đó Hội đồng xét xử thống nhất với đề nghị của Kiểm sát viên, công nhận thuận tình ly hôn giữa chị N với anh T là phù hợp với Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị N và anh T có một con chung tên Y, sinh ngày 13/01/2018. Khi ly hôn, chị N và anh T đều yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Y.

[4] Việc chăm sóc, nuôi dạy con chung chưa thành niên là nghĩa vụ và cũng là quyền lợi của cha mẹ, nguyện vọng muốn được trực tiếp nuôi dưỡng con chung của anh T và chị N đều xuất phát từ tình thương và trách nhiệm của cha mẹ đối với con, phù hợp với truyền thống đạo lý tốt đẹp. Tuy nhiên, giao cho ai là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung phải xem xét đến quyền lợi của trẻ để trẻ phát triển lành mạnh về thể chất, tinh thần được tốt nhất.

[5] Xét thấy hiện cháu Y đang sống trực tiếp với chị N, để tránh xáo trộn trong cuộc sống ảnh hưởng đến tâm lý của cháu, mặt khác thì cháu Y là cháu gái, để mẹ trực tiếp nuôi dưỡng cũng thuận tiện hơn trong chăm sóc sinh hoạt hàng ngày. Xuất phát từ lợi ích mọi mặt của cháu Y, Hội đồng xét xử thống nhất với đề nghị của Kiểm sát viên, chấp nhận yêu cầu của chị N, giao cháu Y cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét. Vì lợi ích của con, chị N có quyền yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con bằng một vụ án khác.

[2.4] Về tài sản chung: Chị N và anh T không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5] Về nợ chung: Chị N và anh T không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị N tự nguyện chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo đối với bản án: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào Điều 55; Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

**1.** Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị N và anh T

**2.** Về nuôi con chung: Giao con chung tên Y, sinh ngày 13/01/2018 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

**3.** Về án phí: Chị N tự nguyện chịu tiền án phí sơ thẩm là 150.000 đồng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 4796 ngày 31 tháng 3 năm 2021 của Cơ quan thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo nên chị N được hoàn lại 150.000 đồng.

**4.** Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã Lạc Tân, huyện Tân Tru, tỉnh Long An;
- Chi Cục THADS;
- Lưu.

**TM - HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Vĩnh Lộc**